TOÀ ÁN NHÂN HUYỆN KON RẪY TỈNH KON TUM	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2017/KDTM - ST
ngày 09/11/2017
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN HUYỆN KON RẪY, TỈNH KON TUM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: ông Nguyễn Minh Thành.
- *Các Hội thẩm nhân dân:*
+ Ông Trần Đình Nghĩa.
+ Ông Phạm Ngọc Tần.
- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Thu Hải – Thư ký Tòa án.

Trong ngày 09/11/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kon Rẫy xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2017/KDTM ngày 31/7/2017 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng S – Chi nhánh tỉnh K.

Địa chỉ: 353 TP, phường TL, thành phố K, tỉnh K.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Thanh T – Trưởng phòng (giấy ủy quyền số 122 ngày 28/4/2017) - Có mặt.

- *Đồng bị đơn:* Anh Nguyễn Doãn K và chị Đỗ Thị C.

Cùng ở địa chỉ: Thôn 4, thị trấn Đ, huyện K, tỉnh K.

Đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 01/7/2017 và lời khai tại Tòa án nhân dân huyện Kon Rẫy, đại diện của Ngân hàng S trình bày:

Ngày 28/01/2016, anh Nguyễn Doãn K và chị Đỗ Thị C có ký hợp đồng vay vốn của ngân hàng với số tiền 300.000.000đ, HĐTD số LD 16028000353, thời hạn vay là 60 tháng, đến ngày 23/01/2017, anh K, chị C tiếp tục ký hợp đồng vay vốn Ngân hàng số tiền 40.000.000đ, HĐTD số LD 1702300143, thời hạn vay 12 tháng. Để đảm bảo trả nợ, anh K, chị C đã thế chấp các tài sản gồm:

01: Quyền sử dụng đất tại xã T, huyện K theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất U 695742 cấp ngày 22/11/2001, do UBND Huyện K, Tỉnh K cấp. Tài sản bảo đảm này đã được thế chấp cho Ngân hàng theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 57A/2016/HĐTC ngày 28 tháng 01 năm 2016, được công chứng ngày 01 tháng

02 năm 2016 tại UBND xã T, Huyện K, Tỉnh K, số chứng thực 27, quyển số 01/2016 SCT/HĐGD và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 01/02/2016 tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất (Phòng tài nguyên và môi trường) huyện K, Tỉnh K.

02: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thị trấn Đ huyện K, tỉnh K theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BU 293346 cấp ngày 22/07/2014, do UBND huyện K, Tỉnh K cấp. Tài sản bảo đảm này đã được thế chấp cho Ngân hàng theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 57/2016/HĐTC ngày 28 tháng 01 năm 2016, được công chứng ngày 01 tháng 02 năm 2016 tại UBND Thị trấn Đ, Huyện K, Tỉnh K, số chứng thực 11, quyển số 01/2016 SCT/HĐGD và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 01/02/2016 tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất (Phòng tài nguyên và môi trường) huyện K, Tỉnh K.

Quá trình vay vốn anh K và chị C đã trả cho Ngân hàng số tiền (gốc và lãi) đến ngày 23/3/2017 là 96.748.460đ. Qua nhiều lần Ngân hàng làm việc về việc anh K và chị C không thực hiện nghĩa vụ trả lãi hàng tháng cho Ngân hàng, nên đến ngày 24/3/2017, toàn bộ số nợ còn lại của anh K và chị C Ngân hàng đã chuyển sang nợ quá hạn. Tổng cộng anh K, chị C còn nợ Ngân hàng số tiền 292.673.234đ, trong đó tiền gốc của hợp đồng số LD 1702300143 là 40.000.000đồng, tiền gốc của hợp đồng số LD 16028000353 là 240.000.000 đồng; lãi tính đến ngày khởi kiện (01/7/2017) của hợp đồng số LD 1702300143 là 1.731.069 đồng, của hợp đồng số LD 16028000353 là 10.942165 đồng. Trong bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay, đại diện của nguyên đơn thay đổi một phần nội dung yêu cầu khởi kiện. Yêu cầu các bị đơn phải thanh toán toàn bộ tiền gốc của hai hợp đồng là 280.000.000 đồng; lãi tính đến ngày khởi kiện (01/7/2017) của hợp đồng số LD 1702300143 là 1.750.000 đồng, của hợp đồng số LD 16028000353 là 10.560.000 đồng, nguyên nhân tính lại lãi là do trước đây (khi khởi kiện) hệ thống (tự động) của ngân hàng đã tính lãi quá hạn bằng lãi tiền gốc + lãi của tiền lãi chậm trả, việc tính như vậy là không phù hợp quy định.

Các yêu cầu cụ thể:

1. Yêu cầu anh K, chị C phải trả toàn bộ tiền nợ gốc hai hợp đồng là 280.000.000đ; lãi đến ngày 01/7/2017 của hai hợp đồng là 12.310.000đ.
2. Trường hợp anh K, chị C không thanh toán được nợ Ngân hàng được quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật.
3. Buộc anh K, chị C phải chịu mọi chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.
4. Trường hợp tài sản thế chấp không đủ để thanh toán nợ và các chi phí tố tụng, anh K, chị C tiếp tục phải thanh toán các khoản còn thiếu.

Về phía các đồng bị đơn:

Tòa án đã thông báo hợp lệ cho đồng bị đơn biết về việc khởi kiện của Ngân hàng cũng như các văn bản tố tụng khác (bằng hình thức niêm yết tại nơi cư trú, tại Tòa án) nhưng phía đồng bị đơn vẫn vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Trong quá trình giải quyết vụ án, Ngân hàng S, đã cung cấp đúng địa chỉ của bị đơn theo đăng ký hộ khẩu thường trú và địa chỉ ghi nhận tại hợp đồng; Tòa án đã tiến hành giao nhận các văn bản tố tụng cho đồng bị đơn nhưng đồng bị đơn không có mặt tại nơi cư trú nên Tòa án thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng của vụ án theo quy định của pháp luật (bằng hình thức niêm yết) nhiều lần nhưng đồng bị đơn vẫn vắng mặt vì vậy được coi là đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh trước yêu cầu của nguyên đơn. Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, xử vắng mặt đồng bị đơn theo quy định của pháp luật; Đồng thời xét xử trên cơ sở các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp.

[2] Về áp dụng pháp luật Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án Kinh doanh thương mại: "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng" nên theo quy định tại Khoản 1, Điều 30 Bộ luật Tố tụng Dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án.

[3] Về quyền khởi kiện yêu cầu bị đơn phải thanh toán toàn gốc và lãi phát sinh: Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, hội đồng xét xử thấy rằng tại các hợp đồng tín dụng được hai bên ký kết đều có điều khoản quy định bên cho vay có quyền thu hồi nợ trước hạn trước hạn trong trường hợp bên vay vi phạm nghĩa vụ thanh toán lãi và gốc theo hợp đồng. Các tài liệu do nguyên đơn cung cấp thể hiện đến ngày 24/3/2017, anh K, chị C đã ngừng thanh toán lãi cho Ngân hàng (tính đến ngày làm đơn khởi kiện là hơn 03 tháng) do vậy Ngân hàng yêu cầu bị đơn phải thanh toán toàn bộ gốc và lãi phát sinh đến ngày khởi kiện cũng như các khoản lãi phát sinh về sau là có căn cứ, đúng pháp luật nên được chấp nhận.

[4] Đối với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp: Khi ký kết các hợp đồng tín dụng, anh K và chị C đã thế chấp các tài sản để đảm bảo bao gồm:

01: Quyền sử dụng đất tại xã T huyện K theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất U 695742 cấp ngày 22/11/2001, do UBND huyện K, tỉnh K cấp. Tài sản bảo đảm này đã được thế chấp cho Ngân hàng theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 57A/2016/HĐTC ngày 28 tháng 01 năm 2016, được công chứng ngày 01 tháng 02 năm 2016 tại UBND xã T, huyện K, tỉnh K, số chứng thực 27, quyển số 01/2016 SCT/HĐGD và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 01/02/2016 tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất (Phòng tài nguyên và môi trường) huyện K, tỉnh K.

02: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thị trấn Đ huyện K, tỉnh K theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BU 293346 cấp ngày 22/07/2014, do UBND huyện K, tỉnh K cấp. Tài sản bảo đảm này đã được thế chấp cho Ngân hàng theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 57/2016/HĐTC ngày 28 tháng 01 năm 2016, được công chứng ngày 01 tháng 02 năm 2016 tại UBND thị trấn Đ, huyện K, tỉnh K, số chứng thực 11, quyển số 01/2016 SCT/HĐGD và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 01/02/2016 tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất (Phòng tài nguyên và môi trường) huyện K, tỉnh K.

Việc thế chấp để đảm bảo trả nợ được thực hiện đúng quy định của pháp luật nên trường hợp anh K, chị C trả được nợ, Ngân hàng S được quyền yều cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

[5] Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc: Trong trường hợp tài sản đảm bảo không đủ trả nợ, lãi phát sinh và các chi phí tố tụng, buộc bị đơn phải tiếp tục thanh toán số tiền còn thiếu. Thấy yêu cầu này không trái các quy định của pháp luật nên được chấp nhận và được thực hiện theo quy đinh của pháp luật thi hành án dân sự.

[6] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận toàn bộ nên nguyên đơn không phải chịu án phí. Buộc bị đơn phải chịu toàn bộ án phí sơ thẩm.

[7] Đối với yêu cầu về các chi phí thi hành án của nguyên đơn thuộc thẩm quyền của cơ quan Thi hành án dân sự theo quy định của pháp luật về Thi hành án dân sự nên HĐXX không giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 30; Điều 35; Điều 271; Điều 273; của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463; Khoản 5 Điều 466 của bộ luật dân sự

Xử:

Chấp nhận đơn khởi kiện của Ngân hàng S.

Buộc anh Nguyễn Doãn K và chị Đỗ Thị C phải trả cho Ngân hàng S số tiền 292.310.000 đồng (trong đó có Nợ gốc: 280,000,000đ; Lãi, lãi phạt quá hạn tính đến ngày 01/7/2017 : 12,310,000đ) và các khoản lãi phát sinh từ ngày 02/7/2017 theo các hợp đồng tín dụng được hai bên ký kết đến khi thi hành xong.

Án phí dân sự:

Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, nộp án phí và lệ phí Tòa án và danh mục kèm theo.

Anh Nguyễn Doãn K và chị Đỗ Thị C phải chịu 14.615.500đ (mười bốn triệu sáu trăm mười lăm ngàn năm trăm đồng) tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng S số tiền 7.526.000đ (bảy triệu, năm trăm hai sáu nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2014/0000529 ngày 31/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kon Rẫy.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 09/11/2017), nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Riêng đồng bị đơn vắng mặt tại

phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA